TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST Ngày: 16/9/2025. V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hoàng Văn Tâm
  Ông Hoàng Ngọc Hải

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Dân – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:*
  Bà Hoàng Thị Hòa, Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa(cơ sở 2)xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn L, sinh năm 1991. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Hoằng Ch, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã Hoằng Ch, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2025, bản tự khai ngày 01/8/2025, nguyên đơn anh Lương Văn L thể hiện:

Anh Lương Văn L và chị Trương Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2020 được UBND xã Hoằng Ph(nay là xã Hoằng Ch), tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau bình thường một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Linh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trương Thị Mỹ H.

Về con: Anh Lương Văn L và chị Trương Thị Mỹ H có 01 con chung cháu tên là Lương Gia Huy, sinh ngày 03/9/2021. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở với anh L. Ly hôn, anh L có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu cô H cấp dưỡng mỗi tháng 1triệu đồng. Hiện nay anh làm ở Công ty Nam Ích mức thu nhập của anh mỗi tháng 11triệu đồng; Về tài sản và công nợ: anh Lương Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trương Thị Mỹ H: Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Lê Thị Tiên (mẹ đẻ chị H) và bà Tiên cam đoan có trách nhiệm giao thông báo lại cho chị H.

Tại lời khai của bà Lê Thị Tiên ngày 13/8/2025 thể hiện:

Anh Lương Văn L và chị Trương Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoằng Ph(nay là xã Hoằng Ch), tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2020. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng chị H đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh L làm đơn xin ly hôn chị H, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Tôi (Tiên) có trách nhiệm thông báo cho chị H khi chị đi làm về(chị H cũng đã biết việc anh L làm đơn xin ly hôn chị), bà Tiên cam đoan giao tận tay cho chị H những văn bản tố tụng của Tòa án.

Về con chung: Vợ chồng chị Trương Thị Mỹ H và anh Lương Văn L có 01 con chung cháu tên là Lương Gia Huy, sinh ngày 03/9/2021. Từ khi vợ chồng anh L, chị H sống ly thân cháu ở với anh L. Nay ly hôn chị H đồng ý giao cháu Huy cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị H có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi cháu Huy mỗi tháng 1triệu đồng. Về tài sản và công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn anh Lương Văn L đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn chị Trương Thị Mỹ H chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy

định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Xử cho anh Lương Văn L được ly hôn chị Trương Thị Mỹ H.

Về con chung: Công nhận anh Lương Văn L và chị Trương Thị Mỹ H có 01 con chung cháu tên là Lương Gia Huy, sinh ngày 03/9/2021.Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở với anh L. Nay ly hôn, anh L có nguyện vọng nuôi con nên đề nghị giao cháu Huy cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cũng anh L mỗi tháng là 1triệu đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; Điều 24, Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lương Văn L khởi kiện xin ly hôn chị Trương Thị Mỹ H và xin được nuôi con chung. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định anh Lương Văn L là nguyên đơn, chị Trương Thị Mỹ H là bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị Mỹ H có địa chỉ tại xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 mục 2 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Anh Lương Văn L khởi kiện xin ly hôn chị Trương Thị Mỹ H và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, chính

quyền địa phương xã Hoằng Ch xác nhận: Anh Lương Văn L và chị Trương Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoằng Ch cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2020, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân, mâu thuẫn địa phương không nắm bắt được. Vợ chồng anh chị có 01 con chung cháu tên là Lương Gia Huy, sinh ngày 03/9/2021.

Tại phiên tòa ngày 09/9/2025, bị đơn chị Trương Thị Mỹ H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt không có lý do, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Lương Văn L và chị Trương Thị Mỹ H kết hôn với nhau năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoằng Ph(nay là xã Hoằng Ch), tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Anh L có nguyện vọng xin được ly hôn chị H. Chị H mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không đến làm việc theo giấy triệu tập thể hiện chị bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình và không có mong muốn đoàn tụ. Do đó, HĐXX xét thấy tình cảm của anh, chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Lương Văn L cho anh được ly hôn với chị Trương Thị Mỹ H là phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh chị.

[2.2] Về con chung: Anh Lương Văn L và chị Trương Thị Mỹ H có 01 con chung cháu tên là Lương Gia Huy, sinh ngày 03/9/2021.

Xét yêu cầu nuôi con của anh Lương Văn L: Xét thấy, yêu cầu nuôi con của anh L là phù hợp vì từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Huy ở cùng với anh L, anh L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, không nên sáo trộn cuộc sống sinh hoạt của cháu nên tiếp tục giao cháu Huy cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh L mỗi tháng 1triệu đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2025 cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về pháp luật.

[3] Về tài sản: Anh Lương Văn L và chị Trương Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là anh L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm; chị Trương Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 1 mục 2 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51,56,57,58, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Anh Lương Văn L được ly hôn chị Trương Thị Mỹ H.

Về con chung: Công nhận cháu Lương Gia Huy, sinh ngày 03/9/2021 là con chung của anh Lương Văn L và chị Trương Thị Mỹ H.

Giao cháu Lương Gia Huy cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng 1triệu đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật.

Chị Trương Thị Mỹ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Anh L và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

Về án phí: Anh Lương Văn L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng anh được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001786 ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa(nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa). Anh L đã nộp đủ tiền án phí; Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn anh Lương Văn L, bị đơn chị Trương Thị Mỹ H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4 - Thanh Hóa;
- Chi cục THA tỉnh Thanh Hóa;
-UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Phương